

THIẾT KẾ SẢN PHẨM HỌC TẬP SỐ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở HỌC PHẦN “PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 1”

Trịnh Văn Sỹ

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: trinhvansy@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập là yêu cầu tất yếu đối với cả giảng viên và sinh viên. Đối với học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1, việc khai thác các công cụ số giúp sinh viên chủ động tìm hiểu cơ sở lý luận, tổ chức hoạt động học tập tích cực và phát triển năng lực nghề nghiệp. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu thiết kế một số yêu cầu và hoạt động học tập có hướng dẫn, tích hợp các ứng dụng công nghệ số phù hợp với nội dung học phần. Qua quá trình triển khai, sinh viên không chỉ được rèn luyện khả năng sử dụng công nghệ trong học tập và nghiên cứu, mà còn hình thành tư duy sáng tạo, năng lực thiết kế sản phẩm học tập phục vụ thực hành giảng dạy. Kết quả bước đầu cho thấy việc tích hợp công nghệ số góp phần nâng cao hứng thú và hiệu quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: Công nghệ số, môn Tiếng Việt, phương pháp dạy học, tiểu học

DESIGNING DIGITAL LEARNING PRODUCTS FOR PRIMARY EDUCATION STUDENTS IN THE COURSE “METHODS OF TEACHING VIETNAMESE IN PRIMARY SCHOOLS 1”

Abstract: In the context of ongoing digital transformation in education, the integration of information technology into teaching and learning has become essential for both lecturers and students. For the course Methods of Teaching Vietnamese in Primary Schools 1, the use of digital tools enables students to actively explore theoretical foundations, engage in active learning activities, and develop professional competencies. This article presents the results of designing a set of guided learning requirements and activities that integrate appropriate digital applications aligned with the course content. Throughout the implementation process, students not only improved their ability to use technology for learning and research but also developed creative thinking and the capacity to design learning products that support teaching practice. Initial findings indicate that the integration of digital technologies contributes to enhancing students' learning motivation and effectiveness.

Keywords: Digital technology; Vietnamese language education; teaching methods; primary education.

Nhận bài: 12/10/2025

Phản biện: 13/11/2025

Duyệt đăng: 18/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số hiện nay, việc tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong học tập của sinh viên sư phạm trở thành yêu cầu cấp thiết. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1* không chỉ cung cấp tri thức lý luận mà còn rèn luyện kỹ năng vận dụng vào thực hành nghề nghiệp. Nhiều nghiên cứu gần đây khẳng định rằng việc thiết kế và sử dụng sản phẩm học tập (learning products) giúp người học thể hiện kết quả học tập một cách cụ thể, qua đó phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và hợp tác. Các công cụ công nghệ số như Canva, Padlet, PowerPoint, Genially, hay Google Classroom... đã mở ra những hướng tiếp cận mới trong tổ chức hoạt động học tập tích cực. Tuy nhiên, tại các cơ sở đào tạo giáo viên, việc tích hợp các công cụ này vào dạy học học phần *Phương pháp dạy học Tiếng*

Việt ở tiểu học 1 vẫn chưa được khai thác hiệu quả, còn thiếu hướng dẫn cụ thể về quy trình và tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập. Do đó, việc nghiên cứu thiết kế và ứng dụng sản phẩm học tập trong học phần này là cần thiết, nhằm góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính chủ động và năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm tiểu học. Ở nhà trường phổ thông hiện nay, đa số giáo viên đã tiếp cận khung năng lực số và vận dụng vào quá trình dạy học. Ở tiểu học, các em học sinh cũng từng bước được làm quen với môi trường học tập có ứng dụng công nghệ thông qua việc khai thác học liệu số, sử dụng thiết bị thông minh, tham gia các hoạt động trải nghiệm trên nền tảng trực tuyến. Mặc dù mức độ tiếp cận của học sinh còn khác nhau, nhưng nhìn chung việc ứng dụng công nghệ đã góp phần nâng cao hứng thú học tập, phát triển năng lực tự học và khả năng hợp tác. Trong bối cảnh chuyển đổi



Hình 1. Khung năng lực số cho người học

Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập trở thành yêu cầu tất yếu, đặc biệt trong đào tạo giáo viên tiểu học. Đối với học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1*, việc thiết kế các nhiệm vụ học tập gắn với sản phẩm số giúp sinh viên không chỉ củng cố kiến thức lý thuyết mà còn phát triển năng lực thiết kế hoạt động dạy học, năng lực ngôn ngữ và sử dụng công nghệ. Nhiều nghiên cứu cho thấy mô hình học tập qua sản phẩm (Product-based Learning) góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực hợp tác của sinh viên sư phạm. Trong thực tế, việc giao cho sinh viên thiết kế các sản phẩm học tập như poster, infographic hoặc photobook bằng các ứng dụng số như Canva, Genially hoặc PowerPoint online đã tạo điều kiện cho các em trình bày kiến thức, minh họa hoạt động dạy học và thể hiện năng lực sư phạm một cách sinh động. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn mới trong các trường sư phạm, chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể về quy trình, tiêu chí đánh giá và hiệu quả sư phạm. Vì vậy, việc nghiên cứu thiết kế và tổ chức nhiệm vụ học tập thông qua các sản phẩm số như poster, infographic và photobook là cần thiết, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp

Trong bài báo, tác giả nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Thứ nhất, phương pháp nghiên cứu tài liệu (Nghiên cứu nội dung bài dạy, thu thập, phân tích các công trình, bài báo, tài liệu liên quan đến học tập qua sản phẩm và ứng dụng công nghệ số trong đào tạo giáo viên); Thứ hai, phương

pháp quan sát sư phạm (Theo dõi quá trình sinh viên thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày sản phẩm số); Thứ ba, phương pháp điều và phỏng vấn (Khảo sát nhận thức, hứng thú và đánh giá của sinh viên sau quá trình tham gia); Thứ tư, phương pháp thực nghiệm sư phạm (Tổ chức dạy học có hướng dẫn, giao nhiệm vụ thiết kế sản phẩm học tập [poster, infographic, photobook] trên các ứng dụng như Canva, Prezi,...)

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Tổng quan về công nghệ số, chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Trong giáo dục, chuyển đổi số giúp tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi hoạt động dạy và học kết nối với nhau trên dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ. Sự kết hợp mới mẻ của công nghệ nhằm thu hẹp khoảng cách địa lý để tạo ra trải nghiệm trong học tập, đồng thời tăng cường sự tương tác của mọi người. Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống. Cũng như các lĩnh vực khác, trong những năm gần đây, cộng đồng nghiên cứu cũng quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu chuyển đổi số trong giáo dục. Đối với các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, bốn chủ đề được xác định là năng lực số của GV, sẵn sàng chuyển đổi số, đại học số, nguồn nhân lực (Lương, 2023). Tuy nhiên, công tác chuyển đổi số trong giáo dục cũng đặt ra một số thách thức, bao gồm việc đảm bảo truy cập công bằng đến công nghệ, đào tạo, hỗ trợ cho giáo viên, học sinh và đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trong môi trường số.

Chuyển đổi số trong giáo dục là một quá trình xảy ra mà sự thay đổi không nằm ở đối tượng tham gia vào quá trình giáo dục hay các bên liên quan mà nằm ở phương thức thực hiện giáo dục. Sự thay đổi về phương thức dẫn tới những thay đổi về phương pháp, cách thức, kỹ thuật thực hiện giảng dạy, đào tạo.

Trong những năm gần đây, công nghệ số đã trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy đổi mới giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học và đào tạo giáo viên. Công nghệ số không chỉ hỗ trợ việc truyền tải kiến thức mà còn tạo ra môi trường học tập linh hoạt, tương tác và phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và sáng tạo của người học (Redecker, 2017). Các công cụ số, bao gồm phần mềm thiết kế, nền tảng học tập trực tuyến, công cụ quản lý lớp học và các ứng dụng đa phương tiện, đã được áp dụng rộng rãi để nâng cao chất lượng dạy – học (Alammary, Sheard, & Carbone, 2014). Trong đào tạo giáo viên tiểu học, việc sử dụng công nghệ số giúp sinh viên làm quen với các hình thức học liệu hiện đại, từ đó thiết kế bài giảng, sản phẩm học tập và hoạt động sư phạm một cách sinh động và thực tiễn (Nguyễn & Trịnh, 2021). Nhiều nghiên cứu cho thấy tích hợp công nghệ số trong dạy học không chỉ cải thiện hiệu quả học tập mà còn tăng cường hứng thú và tính chủ động của sinh viên, đặc biệt khi áp dụng các mô hình học tập qua sản phẩm (Product-based Learning) (Bell, 2010). Ở Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ số trong đào tạo giáo viên vẫn đang trong quá trình phát triển, mở ra nhiều cơ hội cải tiến phương pháp giảng dạy và đòi hỏi giảng viên, sinh viên được hướng dẫn, rèn luyện các kỹ năng số cần thiết (Nguyễn & Lê, 2020).

2.2.2. Khái quát về học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học là một học phần cốt lõi được giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành Giáo dục Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học đào tạo bằng tiếng Anh. Thông qua học phần, sinh viên nắm được các mục tiêu, quan điểm của Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn; những cơ sở khoa học, nội dung dạy học thông qua sách giáo khoa và các phương pháp dạy học đặc trưng, kỹ thuật dạy học trong môn Tiếng Việt; các phương pháp dạy học,

đọc, viết, nói và nghe, từ và câu.

Việc ứng dụng công nghệ số trong học phần này giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi nó hỗ trợ sinh viên chủ động tiếp cận nội dung học tập một cách trực quan, linh hoạt và hiệu quả hơn. Các công cụ số như Canva, PowerPoint, Padlet, Google Slides, hay các phần mềm thiết kế poster, infographics, photobook giúp sinh viên dễ dàng mô phỏng quy trình dạy học, thiết kế học liệu, trình bày ý tưởng và xây dựng các sản phẩm học tập mang tính sư phạm cao. Bên cạnh đó, công nghệ số còn tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện năng lực tự học, hợp tác nhóm và sáng tạo – những phẩm chất cần thiết của giáo viên tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay. Nhờ vào việc thực hiện các nhiệm vụ học tập qua nền tảng số, sinh viên không chỉ hiểu sâu hơn về phương pháp dạy học Tiếng Việt mà còn hình thành năng lực ứng dụng công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu dạy học hiện đại ở trường tiểu học.

2.2.3. Ứng dụng công nghệ số vào thiết kế sản phẩm học tập

2.2.3.1. Quy trình chung

Trong quá trình giảng dạy học phần, tác giả đề xuất quy trình như sau:

Giai đoạn 1. Trước khi giao nhiệm vụ

- GV khảo sát nội dung bài giảng và chuẩn bị các yêu cầu về sản phẩm học tập mà sinh viên cần thực hiện.

- Dự kiến số lượng nhóm và các yêu cầu kèm theo; các hướng dẫn, nội quy khi thực hiện sản phẩm học tập.

Giai đoạn 2. Chuyển giao nhiệm vụ và thực hiện sản phẩm

- GV giao các nhiệm vụ, phân chia nhóm thảo luận (Số lượng, thành viên các nhóm phụ thuộc theo yêu cầu nhiệm vụ).

- Đăng tải các thông tin về hình thức (poster, photobook, infographics,...), quy định sản phẩm lên nền tảng mạng xã hội (Facebook, Classroom, Notion,...)

- Giảng viên thông báo về tiêu chí sản phẩm.

- Các nhóm nhận nhiệm vụ và thảo luận nhóm (ý tưởng, phân chia nhiệm vụ,...) trong một tiết học và nộp ý tưởng cho GV nắm thông tin.

- Các nhóm hoàn thành các sản phẩm theo yêu cầu về thời gian.

Giai đoạn 3. Nộp sản phẩm và đánh giá

- Các nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên thông qua các phương thức lưu trữ học liệu số.
- Các nhóm in và trưng bày, báo cáo sản phẩm.
- Giảng viên đánh giá sản phẩm trên tiêu chí đã được thông báo cho sinh viên.

2.2.3.2. Thực nghiệm quy trình vào một số nội dung học phần

Trong quá trình giảng dạy học phần, thực nghiệm nhiệm vụ thiết kế các sản phẩm học tập cho sinh viên ở một số nội dung đảm bảo tính khoa học. Quy trình trải qua các bước sau:

(1) Tên học phần: Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1

(2) Thời điểm thực hiện:

Chương 2. Những vấn đề chung về phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Nội dung: Các phương pháp dạy học đặc trưng trong môn Tiếng Việt

(3) Quy trình:

Giai đoạn 1. Trước khi giao nhiệm vụ: GV khảo sát nội dung, thời điểm dạy học: Các phương pháp dạy học đặc trưng trong môn Tiếng Việt (Chương 2).

Giai đoạn 2. Chuyển giao nhiệm vụ và thực hiện sản phẩm

+ Dự kiến nhóm: 07 – 08 nhóm (tùy tình hình thực tế)

+ Yêu cầu nhiệm vụ:

Yêu cầu về nội dung	Làm việc theo nhóm, nghiên cứu, tìm hiểu 2 phương pháp dạy học đặc trưng còn lại (Phương pháp Phân tích ngôn ngữ và Phương pháp Thực hành giao tiếp). Các nhóm phân tích và làm rõ: (1) Khái niệm; (2) Cơ sở khoa học; (3) Quy trình vận dụng; (4) Chỉ ra các ưu điểm và hạn chế của phương pháp hoặc những điểm lưu ý khi vận dụng phương pháp vào dạy học môn Tiếng Việt; (5) Ví dụ minh họa.
Yêu cầu về hình thức sản phẩm và một số lưu ý	+ Sản phẩm: Thiết kế 01 cuốn photobook (Tối thiểu 7 trang bao gồm 2 trang bìa trước, sau) + Sản phẩm đảm bảo các hình thức trình bày cần đồng nhất cỡ chữ, kiểu chữ, các hình, sơ đồ, bảng biểu... + Trang đầu: Tên học phần, tên nhóm, các hình ảnh thảo luận nhóm... + Trang cuối cần kèm theo một mã QR để truy cập bản điện tử. + Sản phẩm nộp: bản in khổ A4, đóng thành dạng sách.
Thời gian thực hiện và hoàn thành sản phẩm	01 tuần

+ Giảng viên đăng tải các nội dung, yêu cầu vào nhóm lớp trên các trang mạng xã hội như facebook:



Hình 2.3. Bài đăng các thông tin nhiệm vụ học tập trên nhóm chung của lớp

+ Tiêu chí chấm sản phẩm:

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Điểm
Tiêu chí 1. Hình thức trình bày		
1.1. Đảm bảo số trang theo quy định (tối thiểu 7 trang khổ A4, trình bày rõ ràng, có bìa trước và sau.	10%	1,0
1.2. Bố cục hợp lý, có tính thẩm mỹ, kênh hình, kênh chữ tương thích.	10%	1,0

Tiêu chí 2. Nội dung		
2.1. Phương pháp Phân tích ngôn ngữ đảm bảo phân tích rõ ràng các nội dung. + <i>Nêu được khái niệm của phương pháp.</i> + <i>Nắm được CSKH của phương pháp (có thể phân tích, làm rõ).</i> + <i>Nêu được quy trình vận dụng phương pháp vào dạy học.</i> + <i>Trình bày ưu điểm, hạn chế và đề xuất vận dụng phương pháp vào dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học một cách hợp lý.</i> + <i>Lấy các ví dụ trong SGK, vận dụng phương pháp vào dạy học.</i> <i>*Lưu ý: Cách trích dẫn nguồn (các định nghĩa, ảnh,...)</i>	35%	3,5
2.2. Phương pháp Thực hành giao tiếp đảm bảo phân tích rõ ràng các nội dung: + <i>Nêu được khái niệm của phương pháp.</i> + <i>Nắm được CSKH của phương pháp (có thể phân tích, làm rõ).</i> + <i>Nêu được quy trình vận dụng phương pháp vào dạy học.</i> + <i>Trình bày ưu điểm, hạn chế và đề xuất vận dụng phương pháp vào dạy học Tiếng Việt tiểu học một cách hợp lý.</i> + <i>Lấy các ví dụ trong SGK, vận dụng phương pháp vào dạy học.</i> <i>*Lưu ý: Cách trích dẫn nguồn (các định nghĩa, ảnh,...)</i>	35%	3,5
Tiêu chí 3. Sáng tạo		
Có sự sáng tạo trong cách thiết kế sản phẩm (bố cục, hình ảnh, cách diễn giải nội dung), có liên hệ tới các tình huống dạy học.	10%	1,0

Giai đoạn 3. Nộp sản phẩm và đánh giá

Các nhóm in sản phẩm và nộp cho giảng viên.

Giảng viên nhận xét và đánh giá sản phẩm các nhóm dựa trên các tiêu chí đã thông báo từ tiết học trước.

III. KẾT LUẬN

Từ việc tìm hiểu cơ sở lý luận về công nghệ số và đặc trưng của học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1*, có thể thấy rằng việc tích hợp các công cụ số vào quá trình học tập của sinh viên là xu hướng tất yếu trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Hoạt động thiết kế sản phẩm học tập trên các nền tảng số như photobook, poster

hay infographics không chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn, mà còn rèn luyện tư duy thẩm mỹ, năng lực công nghệ và khả năng tổ chức dạy học sáng tạo, phát huy tính tích cực và chủ động cho sinh viên. Thông qua các nhiệm vụ học tập tích cực, sinh viên được trải nghiệm vai trò người giáo viên tương lai, biết cách lựa chọn, ứng dụng và đánh giá công cụ số phù hợp với mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt. Những kết quả này khẳng định ý nghĩa của việc đưa công nghệ số vào đào tạo giáo viên tiểu học, đồng thời gợi mở hướng phát triển cho các hoạt động học tập đổi mới trong các học phần phương pháp ở giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alammary, A., Sheard, J., & Carbone, A. (2014). Blended learning in higher education: Three different design approaches. *Australasian Journal of Educational Technology*, 30(4), 440–454. <https://doi.org/10.14742/ajet.693>
- Bell, S. (2010). Project-based learning for the 21st century: Skills for the future. *The Clearing House*, 83(2), 39–43. <https://doi.org/10.1080/00098650903505415>
- Lương, Đ. H. (2023). Chuyển đổi số trong giáo dục giai đoạn 2020-2022: Nghiên cứu trắc lượng khoa học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(04), 1-7. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310401>
- Nguyễn, L. T., & Lê, M. H. (2020). Phát triển năng lực số cho sinh viên sư phạm: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 65(2), 23-31.
- Nguyễn, T. H., & Trịnh, S. V. (2021). Ứng dụng công nghệ số trong đào tạo giáo viên tiểu học ở Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 11(3), 45-54.
- Redecker, C. (2017). European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu. *Publications Office of the European Union*. <https://doi.org/10.2760/159770>